

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 2972/CT-TTHT
V/v Trả lời chính sách thuế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Thông tin Nice Việt Nam

(Địa chỉ: P3005, tầng 30, tòa Đông, TN Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, P. Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; MST: 0107712352)

Trả lời công văn số 08/18/CV-NICE ngày 19/12/2018 của Công ty TNHH thông tin Nice Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) đề nghị hướng dẫn về trường hợp miễn thuế thu nhập cá nhân của chuyên gia nước ngoài theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Hàn Quốc, Cục Thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập.

+ Tại Điều 1 quy định phạm vi áp dụng:

“Điều 1. Phạm vi áp dụng

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.”

+ Tại Điều 15 quy định hoạt động dịch vụ cá nhân phụ thuộc:

“Điều 15. Hoạt động dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1/ Thẻ theo các quy định tại Điều 16,18,19,20 và 21 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. Người nhận tiền hiện có mặt tại Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm dương lịch liên quan, và

b. Chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c. Số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia...”

- Căn cứ Điều 31 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam và các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam, quy định về việc xác định nghĩa vụ thuế đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh:

“1. Theo quy định tại Hiệp định, một cá nhân là đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam có thu nhập từ hoạt động làm công tại Việt Nam sẽ phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập làm công đó tại Việt Nam theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam...”

2. Nếu cá nhân nêu tại Khoản 1 đồng thời thỏa mãn cả 3 điều kiện sau đây, tiền công thu được từ công việc thực hiện tại Việt Nam sẽ được miễn thuế thu nhập tại Việt Nam:

a) Cá nhân đó có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong giai đoạn 12 tháng bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế; và

b) Chủ lao động không phải là đối tượng cư trú của Việt Nam bất kể tiền công đó được trả trực tiếp bởi chủ lao động hoặc thông qua một đối tượng đại diện cho chủ lao động; và

c) Tiền công đó không do một cơ sở thường trú mà chủ lao động có tại Việt Nam chịu và phải trả.

Ví dụ 48: Công ty N của Nhật Bản tham gia thành lập liên doanh S chuyên phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Trong năm 2012, Công ty N cử ông Z sang Việt Nam với tư cách đại diện công ty để đàm phán hợp đồng về việc Công ty N cung cấp “bí quyết” bán hàng cho liên doanh S trong thời gian một tháng. Trong năm trước và sau đó ông Z không hiện diện tại Việt Nam. Toàn bộ thu nhập và chi phí của ông Z trong thời gian làm việc tại Việt Nam do Công ty N chi trả. Trong trường hợp này, ông Z đã đồng thời thỏa mãn cả 3 điều kiện nêu tại Khoản 2 nêu trên nên được miễn thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam.

3. Khái niệm “chủ lao động” nêu tại Điểm 2.b) dùng để chỉ đối tượng sử dụng lao động thực sự. Thông thường, một đối tượng được coi là chủ lao động thực sự nếu có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Đối tượng đó có quyền đối với sản phẩm và dịch vụ do người lao động tạo ra và chịu trách nhiệm cũng như rủi ro đối với lao động đó;

b) Đối tượng đó đưa ra hướng dẫn và cung cấp phương tiện lao động cho người lao động;

c) Đối tượng đó có quyền kiểm soát và chịu trách nhiệm về địa điểm lao động.

Ví dụ 49: Cũng với Ví dụ 48 nêu trên, trong năm 2013, ông Z sang Việt Nam với tư cách là chuyên gia của liên doanh S để hướng dẫn áp dụng “bí quyết” trong giai đoạn 3 tháng. Trong năm trước và sau đó, ông Z không hiện diện tại Việt Nam. Với tình thân trợ giúp cho liên doanh S, toàn bộ thu nhập và chi phí của ông Z trong thời gian làm việc tại Việt Nam do Công ty N chi trả. Trong trường hợp này, về hình thức, ông Z đã đồng thời thỏa mãn cả 3 điều kiện của Khoản 2 nêu trên, nhưng về bản chất, đối với các tiêu thức về chủ lao động thực sự thì chủ lao động thực sự của ông Z trong thời gian làm việc tại Việt Nam là liên doanh S, không phải Công ty N Do đó, ông Z không được miễn thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam.”

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

+ Tại Điều 1 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014) quy định về người nộp thuế:

“...Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;

Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để được thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo Hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa hai quốc gia

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập...”

+ Tại Điều 18 quy định đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

“Điều 18. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

1. Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%.

2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

...

- Căn cứ Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ hướng dẫn về khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân

“Điều 16. Khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân và cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 hướng dẫn quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, cụ thể như sau:

...

13. Trường hợp cá nhân nước ngoài có thu nhập chịu thuế thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ khác thì thực hiện các thủ tục sau:

d) Đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh hoặc thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng phát sinh tại Việt Nam do tổ chức, cá nhân trả thu nhập ở nước ngoài chi trả (bao gồm cả trường hợp cá nhân không cư trú hướng dẫn tại khoản 6 và khoản 8 Điều này):

Vào ngày nộp hồ sơ khai thuế của lần khai thuế đầu tiên, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài trực tiếp hoặc ủy quyền cho một đối tượng khác tại Việt Nam nộp cho Cục Thuế quản lý trực tiếp nơi cá nhân làm việc, kinh doanh hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định. Hồ sơ gồm:

- Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định mẫu 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú của nước cư trú do Cơ quan thuế cấp ngay trước năm thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Bản chụp Hợp đồng lao động hoặc bản chụp giấy tờ pháp lý chứng minh nguồn gốc của khoản thu nhập hoặc quyền được nhận thừa kế, quà tặng (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công hoặc thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng) hoặc bản chụp hợp đồng kinh tế ký kết với các tổ chức cá nhân Việt Nam (đối với thu nhập từ kinh doanh) và cá nhân ký cam kết chịu trách nhiệm vào bản chụp đó;

- Bản chụp hộ chiếu sử dụng cho việc xuất nhập cảnh tại Việt Nam và cá nhân ký cam kết chịu trách nhiệm vào bản chụp đó;

- Giấy ủy quyền trong trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định...”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp nhà thầu nước ngoài có trụ sở tại Hàn Quốc ký hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, theo đó nhà thầu nước ngoài cử chuyên gia sang Việt Nam để hỗ trợ tư vấn (là cá nhân không cư trú theo Luật thuế TNCN) thì thu nhập của các chuyên gia phát sinh tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

Trường hợp các chuyên gia đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Hàn Quốc và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thì lập hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định đến cơ quan thuế theo quy định Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trường hợp cá nhân không đáp ứng điều kiện được miễn thuế TNCN theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Hàn Quốc và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thì phải kê khai, nộp thuế TNCN theo mức thuế suất toàn phần 20%.

Nếu còn vướng mắc đề nghị công ty liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 để được hướng dẫn cụ thể.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo để công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Mai Sơn